

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/KDTM-ST

Ngày 29-7-2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Mỹ Kiều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Ngọc Tuyên

2. Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2020/TLST-KDTM ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2022/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2022/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH C; Trụ sở: Số 9 Đường D, phường E, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm V; Địa chỉ: Số 4 Đường F, phường E, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; Chức danh: Giám đốc; Là người đại diện theo pháp luật. (Có mặt)

- Bị đơn: Công ty Cổ phần T; Trụ sở: Số 16 đường S, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Văn Mạnh; Địa chỉ: 28/10, đường I, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Chức danh: Tổng Giám đốc; Là người đại diện theo pháp luật. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH C trình bày: Ngày 18/12/2014, Công ty TNHH C (gọi tắt là Công ty C) ký với Công ty TNHH MTV T (nay là Công ty Cổ phần T, gọi tắt là Công ty T) Hợp đồng kinh tế số 103/HĐKT về việc mua

bán vật liệu cát xây dựng thi công Gói thầu 09, Dự án ĐTXD đường Hồ Chí Minh đoạn Năm Căn – Đất Mũi. Nội dung hợp đồng: Công ty C cung cấp cát san lấp nền đường cho Công ty T với khối lượng 20.000m³ cát, đơn giá 275.000 đồng/m³, tổng giá trị hợp đồng là 5.500.000.000 đồng. Công ty T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C 100% giá trị nghiệm thu 2.000m³ cùng từng đợt.

Thực hiện Hợp đồng, Công ty C cung cấp cho Công ty T đúng khối lượng, chất lượng cam kết. Tính đến ngày 25/01/2015, Công ty C đã cung cấp cho Công ty T khối lượng cát với tổng giá trị là 2.055.825.750 đồng, Công ty T mới chỉ thanh toán cho Công ty C 500.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 1.555.825.750 đồng.

Ngày 26/10/2015, hai bên tiếp tục ký Biên bản đối chiếu công nợ, trong đó số tiền Công ty T còn nợ Công ty C là 1.175.825.750 đồng.

Ngày 12/3/2018, Công ty T có Công văn 149/CT-TC cam kết thanh toán số tiền 395.827.750 đồng trước ngày 30/6/2018. Tuy nhiên, ngày 25/5/2018, Công ty T thanh toán cho Công ty C 20.000.000 đồng, đến ngày 05/7/2018 mới thanh toán thêm 50.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 325.825.750 đồng.

Tại đơn khởi kiện, Công ty C yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền gốc 325.825.750 đồng, yêu cầu tính lãi theo lãi suất 1%/ tháng tạm tính từ ngày 05/7/2018 đến ngày 04/7/2020 là 78.198.180 đồng, tổng cộng 404.023.930 đồng. Ngày 03/6/2022, ông Phạm Văn Thái là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn có yêu cầu tính lãi theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước.

Bị đơn Công ty T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để cung cấp lời khai, thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Tại phiên tòa, ông Phạm V là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn yêu cầu Công ty T thanh toán cho Công ty C số tiền gốc 325.825.750 đồng, yêu cầu tính lãi theo lãi suất 9%/năm tính từ ngày tính từ ngày 06/7/2018 đến ngày xét xử, làm tròn là 42 tháng với số tiền 117.297.270 đồng, tổng cộng là 443.123.020 đồng. Thanh toán ngay một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty T vắng mặt không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

-Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Công ty T có trụ sở tại số 16 đường S, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; do đó Công ty C có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty T tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền.

- *Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:* Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Công ty T đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng Công ty T vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc 325.825.750 đồng đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 9%/năm tính từ ngày 06/7/2018 đến ngày xét xử, làm tròn là 42 tháng với số tiền 117.297.270 đồng, tổng cộng là 443.123.020 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 103/HĐKT ngày 18/12/201 đã xác định được Công ty C cung cấp cát san lấp nền đường cho Công ty T với khối lượng 20.000m³ cát, đơn giá 275.000 đồng/m³, phương thức thanh toán 100% giá trị nghiệm thu 2.000m³ cùng từng đợt.

Căn cứ Biên bản xác nhận công nợ ngày 07/7/2015 và ngày 26/10/2015 và các công văn cam kết thanh toán đã xác định được Công ty T còn nợ Công ty C số tiền số tiền 325.825.750 đồng. Theo nội dung công văn số 149/CT-TC ngày 12/3/2018, Công ty T cam kết sẽ thanh toán hết công nợ trước ngày 30/6/2018. Tuy nhiên, theo xác nhận của nguyên đơn, kể từ ngày 05/7/2018, Công ty T không thanh toán thêm cho Công ty C bất cứ khoản nào nữa.

Về tiền lãi do chậm thanh toán, phía nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 06/7/2018 đến ngày xét xử, làm tròn là 42 tháng. Như phân tích ở trên, bị đơn đã chậm thanh toán tiền nên phải có trách nhiệm trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tính từ ngày 06/7/2018 là có cơ sở và việc làm tròn thành 42 tháng là có lợi cho bị đơn. Về mức lãi suất, tại đơn khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất 1%/tháng, tức 12%/năm. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu tính lãi theo lãi suất 9%/năm mà không yêu cầu lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán theo Điều 306 Luật Thương mại là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Bị đơn đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện và số tiền còn thiếu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn cùng các chứng cứ có trong hồ sơ xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 325.825.750 đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên

phải trả tiền lãi theo mức lãi suất 9%/năm tính từ ngày 06/7/2018 đến ngày xét xử, làm tròn là 42 tháng với số tiền 117.297.270 đồng, tổng cộng là 443.123.020 đồng là có cơ sở chấp nhận.

- *Về thời hạn thanh toán*: Nguyên đơn đề nghị thanh toán ngay một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là không trái luật nên chấp nhận.

[3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh: Yêu cầu của Nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại là 21.724.920 đồng.

Hoàn lại cho Nguyên đơn 10.080.480 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0068103 ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 335 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 24, 50 Luật Thương mại;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH C:

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH C số tiền gốc 325.825.750 đồng, tiền lãi 117.297.270 đồng, tổng cộng là 443.123.020 (Bốn trăm bốn mươi ba triệu một trăm hai mươi ba nghìn không trăm hai mươi) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần T phải chịu 21.724.920 (Hai mươi một triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi) đồng.

Hoàn lại cho Công ty TNHH C số tiền 10.080.480 (Mười triệu không trăm tám mươi nghìn bốn trăm tám mươi) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0068103 ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND QTB;
- CCTHADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Mỹ Kiều